

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 02 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lâm Văn Tùng

Bà: Võ Hân Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm , tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tòng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/9/2019, Thông báo dời phiên tòa số: 11/2019/TB-TA ngày 09/01/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Kiều Di, sinh năm 1981 (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1976 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 39, Khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 5/7/2019 và trong quá trình xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Bà Đặng Thị Kiều D trình bày như sau:***

Vào năm 2001 bà và ông D tự nguyện sống chung với nhau đến ngày 18/3/2013 thì vợ chồng bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngã

Năm, huyện Ngã Năm (nay là Phường B, thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng. Ngày cưới bên cha mẹ có cho một số nữ trang nhưng quá trình chung sống đã chi xài hết. Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 03/10/2003 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 02/11/2012 hiện 02 con đang sống chung với vợ chồng Bà. Quá trình sống chung thì vợ chồng bà có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng bà vẫn sống chung nhà nhưng sinh hoạt gia đình thì riêng biệt không chung với nhau. Do vợ chồng sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, bất đồng quan điểm sống kéo dài dẫn đến sống không hạnh phúc nên tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.

Về con chung: Yêu cầu nuôi 02 con chung Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 03/10/2003 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 02/11/2012, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận riêng, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận riêng, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Quốc D trình bày như sau:** Về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung thì ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông. Quá trình sống chung có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 03/10/2003 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 02/11/2012 hiện đang sống chung với vợ chồng ông. Quá trình sống chung có tài sản chung và nợ chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình sống chung vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhỏ nhưng không đến mức ly hôn, mâu thuẫn về việc tiền bạc do ông chuyển khoản cho người khác mượn mà không hỏi ý kiến của vợ, nay ông đang khắc phục là yêu cầu phía bên người vay trả được một phần còn lại cho họ trả từ từ chứ mâu thuẫn không có gì lớn nên ông không đồng ý ly hôn, còn về phần con theo ai người đó nuôi ông vẫn có trách nhiệm với con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:**

Tại phiên Tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên Tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị HĐXX

chấp nhận nội dung khởi kiện của Bà Đặng Thị Kiều D, cho Bà D ly hôn với ông D với những căn cứ như việc bà D và ông D đã được Tòa án tổ chức hòa giải nhưng hai bên vẫn không hòa giải được, sau thời gian ông D vẫn không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hơn nữa trước đây bà D đã từng khởi xin ly hôn sau đó rút đơn khởi kiện nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung cho nên việc bà D yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 03/10/2003 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 02/11/2012 cho Bà D nuôi dưỡng, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; nguyên đơn phải chịu án phí yêu cầu ly hôn, bị đơn không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Kiều D và ông Nguyễn Quốc D được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Ngã Năm, huyện Ngã Năm (nay là Phường B, thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/3/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa ông, bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cụ thể theo bà Di trình bày trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng bà thường hay cự cãi nên có nhiều mâu thuẫn và xung đột dẫn đến việc hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mặt dù chưa ly thân nhưng sinh hoạt trong gia đình đều riêng biệt, nên bà yêu cầu ly hôn với ông D. Còn ông D thì cho rằng vợ chồng có cự cãi nhưng không có mâu thuẫn gì lớn, hiện tại vợ chồng vẫn còn sống chung sống bình thường nên ông không đồng ý ly hôn với bà Di. Hơn nữa, theo xác nhận của địa phương là ông Tuấn trưởng Ban nhân dân Khóm A xác định vợ chồng bà Di, ông D cũng có cự cãi và trước đây là Di cũng có xin ly hôn sau đó rút đơn khởi kiện, điều này là có xảy ra trên thực tế. Lẽ ra, trong quá trình chung sống thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, để cùng nhau xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc; nhưng ngược lại Bà Di và ông D đã không làm được điều đó; từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hàng ngày ông Bà không có sự thông cảm cho nhau, nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, đời sống chung không còn hòa hợp với nhau nữa, mặc dù ông D yêu cầu cho thời gian để tìm giải pháp hàn gắn nhưng không thể hàn gắn và tại phiên Tòa hôm nay bà Di vẫn kiên quyết ly hôn với ông D. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; nên việc Bà Di yêu cầu được ly hôn với ông D là hoàn toàn có cơ sở. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự

năm 2015 và Điều 2, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Di.

[2] Con chung: Quá trình chung sống vợ chồng Bà Di, ông D có được 02 con chung tên Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 03/10/2003 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 02/11/2012, hiện nay 02 con đang sống chung với vợ chồng ông, bà. Bà Di yêu cầu được nuôi 02 con thì ông D cũng đồng ý giao 02 con cho Bà Di nuôi dưỡng. Xét thấy, yêu cầu được nuôi con của Bà Di là yêu cầu hoàn toàn chính đáng, được luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận và bảo vệ. Mặt khác, ông D đồng ý giao con cho Bà Di nuôi dưỡng, ngoài ra con chung là cháu Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 03/10/2003 và cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày 02/11/2012 có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn thì muốn sống chung với mẹ. Mặt khác theo xác nhận của Trưởng ban nhân dân Khóm A, Phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thì Bà Di có điều kiện nuôi dưỡng 02 con vì 02 cháu cũng thường đi theo bà Di hàng ngày, nhằm ổn định tâm lý để cháu được phát triển bình thường. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Phương và cháu Anh cho bà Di trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông D không ai có quyền ngăn cản ông thực hiện hợp pháp quyền này. Còn đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Di không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà Di, ông D không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Ý kiến của đại viện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích trên.

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đặng Thị Kiều D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 2, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Đặng Thị Kiều D. Cho bà Di được ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 03/10/2003 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 02/11/2012 cho bà Di trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Nguyễn Quốc D không ai có quyền ngăn cản ông thực hiện hợp pháp quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà Đặng Thị Kiều D và ông Nguyễn Quốc D không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị Kiều D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007159 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm; như vậy, Bà Di đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- UBND Phường B, TX Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Mỹ Hạnh